TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHI LỘC** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 4 - 2021
"V/v Ly hôn; tranh chấp về nuôi con;"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phong
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Quang Hòa
2. Ông Nguyễn Đức Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXX-ST ngày 31 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989
Nơi cư trú: Xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1989
Nơi cư trú: Xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 01 năm 2021 và quả trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2009 ngày 06 tháng 8 năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh Đ theo bạn bè xấu, sa vào con đường tệ nạn xã hội, xúc phạm, đánh đập, đuổi chị ra khỏi nhà, gây ra tổn thương cho chị. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Đ không những không nghe mà còn có thái độ chửi bới, đập phá đồ đạc trong nhà. Do sợ hãi và không thể chung sống với anh Đ được nữa nên chị quyết định đến nơi làm việc

để ở và sống ly thân với anh Đ. Nay xét thấy không còn tình cảm với anh Đ nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Đ.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 07 tháng 3 năm 2010, nay đang học lớp 5 tại Trường Tiểu học xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Khi vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hiện nay chị đang làm việc bán hàng tôn sắt xây dựng, thu nhập bình quân 7.000.000 đồng/tháng, đủ khả năng chăm sóc tốt cho con nên không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị đồng ý chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình làm việc tại Tòa án anh trình bày:

- Về hôn nhân: Về việc kết hôn, tình trạng hôn nhân vợ chồng như chị T trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh sa vào chơi bời theo bạn bè, có lúc đã từng đánh đập, đuổi vợ ra khỏi nhà nên gây tổn thương cho chị T. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 1 năm 2021 đến nay. Việc anh gây ra tổn thương cho vợ thì có cha mẹ anh biết và có khuyên ngăn nhưng anh đã không sửa chữa kịp thời nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Nay anh đã nhận ra lỗi lầm của mình và cảm thấy rất hối hận. Anh vẫn còn tình cảm với chị T nên có nguyện vọng xin được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 07 tháng 3 năm 2010. Do anh mong muốn đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình, nuôi dạy và chăm sóc con nên anh không có ý kiến về giao con cho ai trực tiếp nuôi.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị T (Mẹ đẻ anh Đ) vắng mặt tại phiên tòa, nhưng lời khai của bà tại Tòa án về nguyên nhân vợ chồng chị T và anh Đ xảy ra mâu thuẫn là do lỗi anh Đ theo bạn bè xấu, xúc phạm, đánh đập, đuổi chị T ra khỏi nhà, gây ra tổn thương cho chị T. Bà nhận thấy gia đình bà cũng có lỗi với chị T nên mong chị T quay về đoàn tụ với gia đình.

[2]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định, nhưng anh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự,.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56. 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T

ly hôn anh Nguyễn Văn Đ. Giao con chung là Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 07 tháng 3 năm 2010 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dượng nuôi con cho anh Đ vì chị T chưa có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Toà án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn anh Nguyễn Văn Đ. Anh Đ có nơi cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì Toà án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2].Về nội dung:

2.1.Vê hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 06 tháng 8 năm 2009. Hôn nhân giữa chị T và anh Đ không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân: Căn cứ lời khai của chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn Đ, lời khai của người làm chứng và các chứng cứ khác thu thập được tại hồ sơ vụ án đã có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Đ đã trầm trọng. Lỗi dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do anh Đ xúc phạm, đánh đập, đuổi chị T ra khỏi nhà, gây ra tổn thương cho chị T, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Đ và gia đình anh Đ mong chị T quay về đoàn tụ với gia đình nhưng chị T không đồng ý. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị T được ly hôn anh Đ.

2.2.Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ có 01 con chung là Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 07 tháng 3 năm 2010, nay đang học lớp 5 tại Trường Tiểu học xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Cháu T cũng có nguyện vọng được ở với chị T. Hiện nay chị T lao động tự do, thu nhập bình quân 7.000.000 đồng/tháng, đủ khả năng chăm sóc tốt cho con. Mặt khác, anh Đ là người có lỗi khiến cho vợ chồng phải ly hôn. Do vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T chưa yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ.

Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu anh Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của anh Đ.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về án phí: Chị Nguyễn Thị T thỏa thuận chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Phương T; giới tính: nữ; sinh ngày 07 tháng 3 năm 2010 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T chưa yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ.

Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu anh Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của anh Đ.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T thỏa thuận chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai số AA/2019: 0005072 ngày 04 tháng 01 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nghệ An.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Nghi Lộc;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Đ;
- Hồ sơ vụ an;
- Lưu văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Phong